

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-PT

Ngày 23 - 9 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Phi Yến

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Anh Tuấn

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà Lương Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/HNGĐ- PT ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Phi A, sinh năm 1983; Địa chỉ: K186/H37/15 đường Đ, tổ 44, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; Địa chỉ: K186/H37/15 đường Đ, tổ 44, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Mai Phi A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn ông Mai Phi A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 3 con chung gồm Mai Huyền Ngọc N, sinh ngày 23/4/2009, Mai Phi H, sinh ngày 23/10/2011, Mai Huyền Ngọc H sinh ngày 06/12/2017. Ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Mai Huyền Ngọc N và Mai Phi H, giao con Mai Huyền Ngọc H cho bà N nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với ông Mai Phi A về thời gian và điều kiện kết hôn. Tại phiên hòa giải lần thứ 1 ngày 13/01/2020, bà đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên hòa giải lần thứ hai ngày 10/02/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm bà không đồng ý ly hôn. Bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu xuất phát từ vấn đề kinh tế và chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được. Do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được đoàn tụ.

Do có nguyện vọng đoàn tụ nên các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung bà không trình bày.

*Quyết định của bản án sơ thẩm như sau:*

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Phi A đối với bà Nguyễn Thị N về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

2. Án phí: Ông Mai Phi A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001589 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự biết.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:* Ngày 11/6/2020, nguyên đơn ông Mai Phi A nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm với lý do giữa ông và bà Nguyễn Thị N không

thể sống chung được nữa, vợ chồng không còn tình cảm và vợ ông cũng đồng ý ly hôn, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông và bà Nguyễn Thị N được ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:*

[1] Ông Mai Phi A và bà Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ của ông A tại K186/H37/15 đường Đ, tổ 44, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

[2] Ông A và bà N chung sống hạnh phúc và có 3 con chung. Năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống gia đình bà N không biết tính toán chi tiêu dẫn đến nợ nần nhiều người không có khả năng trả nên từ đó vợ chồng thường hay cãi vã.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, ông A thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng do vấn đề kinh tế là chính, ông A cho rằng ông không còn tin tưởng bà N, tình cảm của ông đối với bà N không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên ông đề nghị HĐXX xem xét cho ông được ly hôn với bà N. Bà N thì cho rằng do các con còn nhỏ, chi phí ăn học cho các con thì nhiều nên mới dẫn đến nợ nần, bà hứa sẽ cố gắng buôn bán, tiết kiệm các chi phí trong sinh hoạt gia đình để trả nợ, bà N tha thiết đề nghị HĐXX xem xét cho vợ chồng bà được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành.

[3] HĐXX xét thấy, các con của ông A bà N hiện còn nhỏ, rất cần có sự chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục chu đáo từ cha mẹ, những khó khăn về kinh tế của ông A và bà N chỉ là tạm thời, nếu cả hai cùng cố gắng sẽ vượt qua. Thực tế mâu thuẫn giữa ông A bà N chưa đến mức trầm trọng; nguyện vọng được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau lo cho các con của bà N là hoàn toàn chính đáng. Do vậy để tạo điều kiện cho ông A và bà N xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy các con được tốt, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà N là có căn cứ, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên án sơ thẩm, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo của ông A nên ông A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Phi A.

II. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Phi A đối với bà Nguyễn Thị N về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

2. Ông Mai Phi A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001589 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

III. Ông Mai Phi A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002065 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPĐN;
- TAND Quận T;
- CCTHADS Quận T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Phi Yến**